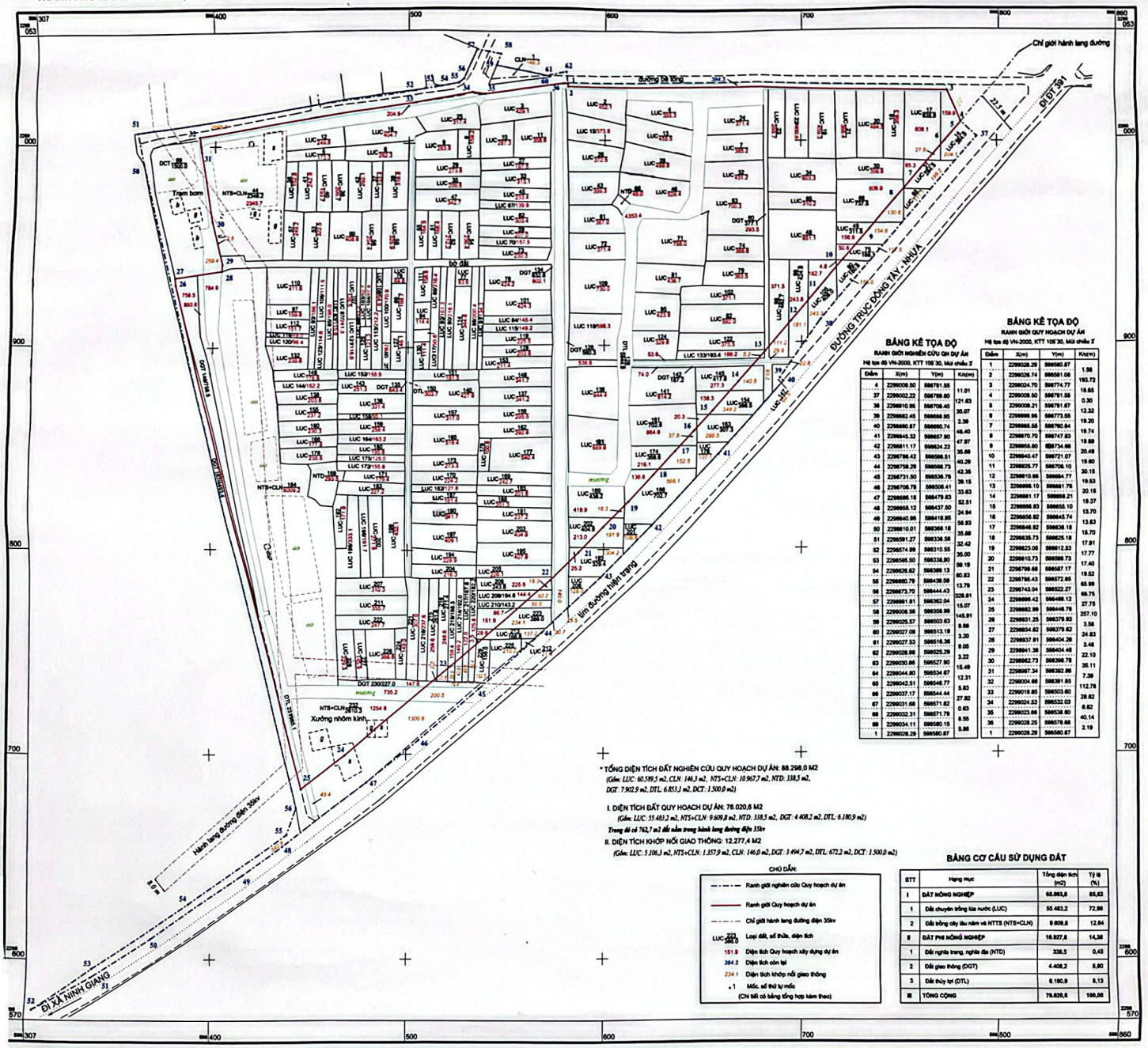
MẢNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

HỆ TỌA ĐỘ VN-2000, XÃ LẠC PHƯỢNG, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 5 (301596-6); 10 (301596-9); 24 (301596-6-d)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG: KHU DÂN CƯ MỚI THÔN CỘNG LẠC, XÃ LẠC PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(TÀI LIỆU PHỤC VỤ QUY HOẠCH CHI TIẾT)

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG - XÃ LẠC PHƯỢNG



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QH DỰ ÁN

Hệ tọa độ VN-2000, KTT 105°30, Múi chiếu 3°

Điểm	X(m)	Y(m)	K/c(m)
4	2299009.50	586781.55	11.01
37	2299002.22	586789.80	121.63
38	2298910.86	586708.40	35.07
39	2298882.45	586668.95	2.38
40	2298880.87	586690.74	48.40
41	2298845.32	586657.90	47.97
42	2298811.17	586624.22	35.68
43	2298786.42	586598.51	40.29
44	2298758.29	586568.73	42.36
45	2298731.50	586536.76	39.15
46	2298708.78	586508.41	33.63
47	2298688.18	586479.83	52.51
48	2298655.12	586437.50	24.64
49	2298640.86	586418.95	56.93
50	2298610.01	586368.18	35.88
51	2298591.27	586338.58	32.42
52	2298574.99	586310.55	35.00
53	2298595.50	586338.80	58.19
54	2298626.82	586388.13	80.83
55	2298660.79	586438.59	13.79
56	2298673.70	586444.43	328.61
57	2298981.81	586362.04	15.07
58	2299008.56	586358.06	145.91
59	2299025.57	586503.63	9.66
60	2299027.08	586513.19	3.20
61	2299027.53	586516.36	8.00
62	2299028.96	586525.29	3.22
63	2299030.86	586527.90	15.49
64	2299044.80	586534.67	12.31
65	2299042.51	586548.77	5.83
66	2299037.17	586544.44	27.82
67	2299031.68	586571.82	0.63
68	2299032.31	586571.79	8.55
69	2299034.11	586580.15	5.86
1	2299028.29	586580.87	

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

RANH GIỚI QUY HOẠCH DỰ ÁN

Hệ tọa độ VN-2000, KTT 105°30, Múi chiếu 3°

Điểm	X(m)	Y(m)	K/c(m)
1	2299028.29	586580.87	1.86
2	2299028.74	586581.06	193.72
3	2299024.70	586774.77	18.85
4	2299009.50	586781.55	0.30
5	2299008.21	586781.87	12.32
6	2299008.96	586773.55	19.20
7	2299008.56	586760.84	19.74
8	2299010.70	586747.83	19.89
9	2299008.80	586734.66	20.49
10	2299040.47	586721.07	19.80
11	2299025.77	586708.10	20.15
12	2299010.66	586694.77	19.53
13	2299008.10	586681.76	20.19
14	2299001.17	586668.21	19.37
15	2298988.83	586655.10	13.70
16	2298858.82	586645.74	13.83
17	2298846.92	586636.18	15.70
18	2298835.73	586625.18	17.91
19	2298823.06	586612.53	17.77
20	2298810.73	586599.73	17.40
21	2298798.68	586587.17	19.52
22	2298786.43	586572.85	65.99
23	2298743.04	586522.27	68.75
24	2298698.42	586488.12	27.75
25	2298682.99	586468.78	257.10
26	2298931.25	586379.93	3.58
27	2298934.82	586379.82	24.83
28	2298937.91	586404.26	3.48
29	2298941.38	586404.46	22.10
30	2298962.73	586398.78	35.11
31	2298987.34	586382.86	7.39
32	2299004.66	586391.85	112.78
33	2299019.85	586503.60	28.82
34	2299024.53	586532.03	6.82
35	2299023.66	586538.80	40.14
36	2299028.25	586578.68	2.19
1	2299028.29	586580.87	

* TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH DỰ ÁN: 88.298,0 M2

(Gồm: LUC: 60.589,5 m2, CLN: 146,3 m2, NTS+CLN: 10.967,7 m2, NTD: 338,5 m2, DGT: 7.902,9 m2, DTL: 6.853,1 m2, DCT: 1.500,0 m2)

I. DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH DỰ ÁN: 76.020,6 M2

(Gồm: LUC: 55.483,2 m2, NTS+CLN: 9.609,8 m2, NTD: 338,5 m2, DGT: 4.408,2 m2, DTL: 6.180,9 m2)

Trong đó có 762,7 m2 đất nằm trong hành lang đường điện 35kv

II. DIỆN TÍCH KHỚP NỐI GIAO THÔNG: 12.277,4 M2

(Gồm: LUC: 5.106,3 m2, NTS+CLN: 1.357,9 m2, CLN: 146,0 m2, DGT: 3.494,2 m2, DTL: 672,2 m2, DCT: 1.500,0 m2)

CHỈ DẪN:

- Ranh giới nghiên cứu Quy hoạch dự án
- Ranh giới Quy hoạch dự án
- Chỉ giới hành lang đường điện 35kv
- LUC-223 / 388.0 — Loại đất, số thửa, diện tích
- 151.9 — Diện tích Quy hoạch xây dựng dự án
- 384.3 — Diện tích còn lại
- 234.1 — Diện tích khớp nối giao thông
- ●1 — Mốc, số thứ tự mốc (Chi tiết có bảng tổng hợp kèm theo)

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục	Tổng diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	65.093,0	85,63
1	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	55.483,2	72,98
2	Đất trồng cây lâu năm và NTTS (NTS+CLN)	9.609,8	12,64
II	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	10.927,6	14,38
1	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD)	338,5	0,45
2	Đất giao thông (DGT)	4.408,2	5,80
3	Đất thủy lợi (DTL)	6.180,9	8,13
III	TỔNG CỘNG	76.020,6	100,00

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày 17 tháng 9 năm 2026

Đơn vị đo đạc:

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG NAM THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CÔNG HỒNG

Ngày 17 tháng 9 năm 2026

Đơn vị kiểm tra:

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

PHÒNG KINH TẾ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

LÊ ANH TOÀN

Ngày 17 tháng 9 năm 2026

Xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

UBND XÃ LẠC PHƯỢNG

PHÓ CHỦ TỊCH

ĐỖ VĂN THẮNG

Scanned with CamScanner